

Số: /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 17753/TTr-SGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 20 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Thủ tục hành chính nội bộ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP: Cục Kiểm soát TTHC;
- TTUB: CT;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Công báo;
- Phòng Kiểm soát TTHC;
- Lưu: VT, KSTT/Tr.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Phê duyệt kế hoạch tháng về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
2	Thỏa thuận quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn (trường hợp UBND cấp huyện, cấp xã, cộng đồng dân cư là Chủ đầu tư)	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
3	Quyết định tần suất khảo sát luồng đường thủy nội địa địa phương	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
4	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng III	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
5	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng II	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
6	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng I	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
7	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng III	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
8	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng II	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
9	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng I	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
10	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng III	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải

11	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng II	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
12	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng I	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
13	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
14	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
15	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng I	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
16	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
17	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng II	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
18	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng I	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
19	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bến phà hạng II	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
20	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý vận tải quá cảnh hạng III	Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Phê duyệt kế hoạch tháng về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ khoản 1 Điều 8 Thông tư 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022: trước ngày 25 hàng tháng, Đội Tham mưu Tổng hợp thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải được giao thực hiện xây dựng kế hoạch tháng tiếp theo về Triển khai sử dụng kết quả thu được từ phương tiện thiết bị kỹ thuật làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố. Lập phiếu trình ký Kế hoạch Triển khai sử dụng kết quả thu được từ phương tiện thiết bị kỹ thuật làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố thông qua Ban chỉ huy Đội Tham mưu Tổng hợp ký trước khi trình ký Lãnh đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải (Phó Chánh Thanh tra được phân công phụ trách) duyệt ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Thông qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định. Sở Giao thông vận tải đề xuất thời hạn giải quyết như sau: Kể từ ngày văn thư nhận được phiếu trình và Dự thảo Kế hoạch Triển khai sử dụng kết quả thu được từ phương tiện thiết bị kỹ thuật làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Đội Tham mưu Tổng hợp thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Thanh tra Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch Triển khai sử dụng kết quả thu được từ phương tiện thiết bị kỹ thuật làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật

ng nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

- Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính thuộc ngành giao thông vận tải.

2. Thỏa thuận quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn (trường hợp UBND cấp huyện, cấp xã, cộng đồng dân cư là Chủ đầu tư)

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ Điều 6 Thông tư 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư (sau đây gọi tắt là cơ quan lập đề nghị) có nhu cầu thỏa thuận quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn, lập hồ sơ gửi về Sở Giao thông vận tải.

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đề nghị thỏa thuận quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 7 Thông tư 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn, chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải đề nghị cơ quan lập đề nghị bổ sung hồ sơ. Cơ quan lập đề nghị có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải.

- Bước 3: Sở Giao thông vận tải thực hiện xem xét và có Văn bản thỏa thuận gửi đến cơ quan lập đề nghị.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp qua đường văn thư và trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Căn cứ Điều 7 Thông tư 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Văn bản đề nghị thỏa thuận quy trình;
 - + Quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu.
- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư là Chủ đầu tư, Chủ quản lý sử dụng cầu.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thỏa thuận.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn.

3. Quyết định tần suất khảo sát luồng đường thủy nội địa địa phương

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ các quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải xây dựng tiêu chí xác định tần suất khảo sát luồng định kỳ đối với luồng đường thủy nội địa địa phương.

- Bước 1: Trung tâm Quản lý đường thủy căn cứ thực tế và kết quả công trình “Khảo sát luồng đường thủy nội địa phục vụ công tác quản lý và công bố luồng” chủ trì xây dựng tiêu chí đánh giá trên cơ sở tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021.

- Bước 2: Phòng Quản lý đường thủy tổng hợp, rà soát tiêu chí xác định tần suất khảo sát luồng định kỳ đối với luồng đường thủy nội địa địa phương.

- Bước 3: Sở Giao thông vận tải tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định tần suất khảo sát luồng định kỳ đối với luồng đường thủy nội địa địa phương (theo hình thức Quyết định cá biệt).

- Bước 4: Ủy ban nhân dân Thành phố Quyết định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương

b) Cách thức thực hiện: Qua hệ thống liên thông trực tuyến của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm Quản lý đường thủy.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Công bố danh mục tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định công tác khảo sát luồng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 10/2023/TT-BGTVT ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

4. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng III

a) Trình tự thực hiện: Không quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng III;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 6 Thông tư số 39/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa);

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên hạng III hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3 Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Cảnh vụ viên đường thủy nội địa hạng III có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức Cảnh vụ viên đường thủy nội địa hạng IV và tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 39/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảnh vụ đường thủy nội địa;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ

Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng II

a) Trình tự thực hiện: Không quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng II;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 5 Thông tư số 39/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa);

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp Cảng vụ viên hạng III hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3 Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng II có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng III và tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 39/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ

Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

6. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng I

a) Trình tự thực hiện: Không quy định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng I;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 6 Thông tư số 39/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa);

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ;

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng I hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng I có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Cảng vụ viên đường thủy nội địa hạng II và tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 39/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ

Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng III

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng III;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 6 Thông tư số 43/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy);

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu)

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng III hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy hạng III có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy hạng IV và tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 43/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ

Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thủ tục: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng II

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng II;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 5 Thông tư số 43/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy).

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu)

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng II hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy hạng II có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy hạng III và tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 43/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ

Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng I

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng I;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 4 Thông tư số 43/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy).

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường thủy hạng I hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy hạng I có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy hạng II và tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 43/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ

Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường thủy;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng III

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng III;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 6 Thông tư số 45/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành đăng kiểm).

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp Đăng kiểm viên hạng III hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Viên chức đăng kiểm hạng III có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Viên chức đăng kiểm hạng IV và tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh

nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 45/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành đăng kiểm;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

11. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng II

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng II;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 5 Thông tư số 45/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành đăng kiểm);

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp Đăng kiểm viên hạng II hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3 Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Viên chức đăng kiểm hạng II có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Viên chức đăng kiểm hạng III và tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 45/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ

Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành đăng kiểm;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng I

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Viên chức đăng kiểm hạng I;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 4 Thông tư số 45/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành đăng kiểm).

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu)

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp Đăng kiểm viên hạng I hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Viên chức đăng kiểm hạng I có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Viên chức đăng kiểm hạng II và tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 45/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ

Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành đăng kiểm;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 6 Thông tư số 46/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên Quản lý dự án đường bộ);

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu)

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường bộ hạng III có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường bộ hạng IV và tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 46/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ

Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên Quản lý dự án đường bộ;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua đường Văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 5 Thông tư số 46/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên Quản lý dự án đường bộ).

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu)

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường bộ hạng II có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường bộ hạng III và tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 46/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên Quản lý dự án đường bộ;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng I

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng I;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên Quản lý dự án đường bộ).

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng I hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường bộ hạng I có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý dự án đường bộ hạng II và tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 46/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ

Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên Quản lý dự án đường bộ;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng III hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 6 Thông tư số 47/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, chuyên ngành kỹ thuật viên bến phà).

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Kỹ thuật viên đường bộ hạng III có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Kỹ thuật viên đường bộ hạng IV và tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập

thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 47/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, chuyên ngành kỹ thuật viên bến phà.

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng II

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng II;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng II hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 5 Thông tư số 47/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, chuyên ngành kỹ thuật viên bốn pha).

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Kỹ thuật viên đường bộ hạng II có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Kỹ thuật viên đường bộ hạng III và tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập

thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 47/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng I

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng I;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu)

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên đường bộ hạng I hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3 Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 4 Thông tư số 47/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, chuyên ngành kỹ thuật viên bến phà).

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Kỹ thuật viên đường bộ hạng I có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Kỹ thuật viên đường bộ hạng II và tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập

thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 47/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bến phà hạng II

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường Văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bến phà hạng II;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2, Điều 8 Thông tư số 39/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành cảng vụ đường thủy nội địa).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức

danh nghề nghiệp Kỹ thuật viên bên phà hạng II hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Căn cứ Điều 3, Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Kỹ thuật viên bên phà hạng II có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Kỹ thuật viên đường bộ hạng III và tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 47/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ

Giao thông vận tải Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành kỹ thuật đường bộ, chuyên ngành kỹ thuật viên bến phà.

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

20. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý vận tải quá cảnh hạng III

a) Trình tự thực hiện: Không quy định

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua đường văn thư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; điểm c, khoản 38 Điều 1, Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023.

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quản lý vận tải quá cảnh hạng III;

+ Quyết định cử viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Quản lý vận tải quá cảnh hạng III Bộ Giao thông vận tải chưa quy định cụ thể).

+ Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng mục chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản sao có công chứng hoặc bản photo đính kèm bản gốc để đối chiếu)

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có đề nghị thăng hạng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Quản lý vận tải quá cảnh hạng III hoặc Thông báo không trúng tuyển có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Các viên chức khi xét thăng hạng cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện chung sau đây:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 85/2023/NĐ-CP).

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề, cụ thể như sau:

- + Viên chức được xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý vận tải quá cảnh hạng III có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Quản lý vận tải quá cảnh hạng IV và tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải;

- Thông tư số 17/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.